



BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG  
MINISTRY OF HEALTH  
NATIONAL INSTITUTE OF DRUG QUALITY CONTROL

Địa chỉ/Address: 48 Hai Bà Trưng - Cửa Nam - Hà Nội - Việt Nam  
ĐT/Tel: + 84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness



VILAS 087

**CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH**  
**DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM**

Số: 04/ 2026

THĂNG MA

(*Cimicifugae Rhizoma*)

SKS: HP0226011

Thân rễ đã phơi, sấy khô của các loài Thăng ma *Cimicifuga heracleifolia* Kom., *Cimicifuga dahurica* (Turcz.) Maxim. hoặc *Cimicifuga foetida* L., họ Hoàng liên (*Ranunculaceae*), đã được nghiền thành bột.

**I. Mục đích sử dụng**

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

**II. Mô tả:** Bột màu vàng nâu.

**III. Liên kết chuẩn**

Dược liệu chuẩn Thăng ma (*Cimicifugae Rhizoma*); Nguồn gốc: NIFDC -Trung Quốc; SKS: 121182-201102;

Chất chuẩn acid ferulic; Nguồn gốc: Chengdu biopurify Phytochemicals Ltd.-Trung Quốc; SKS: PRF23032942; Hl: 99,8 %  $C_{10}H_{10}O_4$  khan; Độ ẩm: 0,6 %;

Chất chuẩn acid isoferulic; Nguồn gốc: Chengdu biopurify Phytochemicals Ltd.-Trung Quốc; SKS: PRF23031542; Hl: 99,9 %  $C_{10}H_{10}O_4$  khan; Độ ẩm: 0,6 %.

**IV. Kết quả phân tích**

- |   |   |
|---|---|
| 1. Bột                                  | : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Thăng ma. |
| 2. Độ ẩm                                | : 8,3 %.  |
| PP sấy, 1 g, 105 °C, 5 h.               |   |
| 3. Tro toàn phần                        | : 6,8 %.  |
| 4. Tro không tan trong acid             | : 0,34 %  |
| 5. Chất chiết được trong dược liệu      | : 34,6 %, tính theo dược liệu khô kiệt.             |
| PP chiết nóng, dung môi là ethanol 50 % |   |

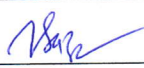


**6. Định tính** : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết phát quang cùng màu, cùng giá trị  $R_f$  với các vết của acid ferulic và acid isoferulic trên sắc ký đồ của dung dịch các chất đối chiếu và có các vết phát quang cùng màu, cùng giá trị  $R_f$  với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Thăng ma.

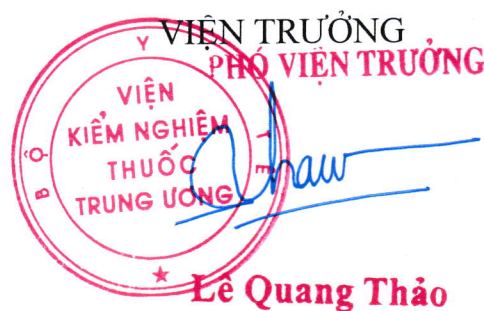
**7. Định lượng** : 0,34 % acid isoferulic ( $C_{10}H_{10}O_4$ ), tính theo dược liệu khô  
Phương pháp HPLC : kiết.

**V. Hướng dẫn sử dụng:** Không sấy trước khi dùng.

**VI. Bảo quản:** Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	05/2028	

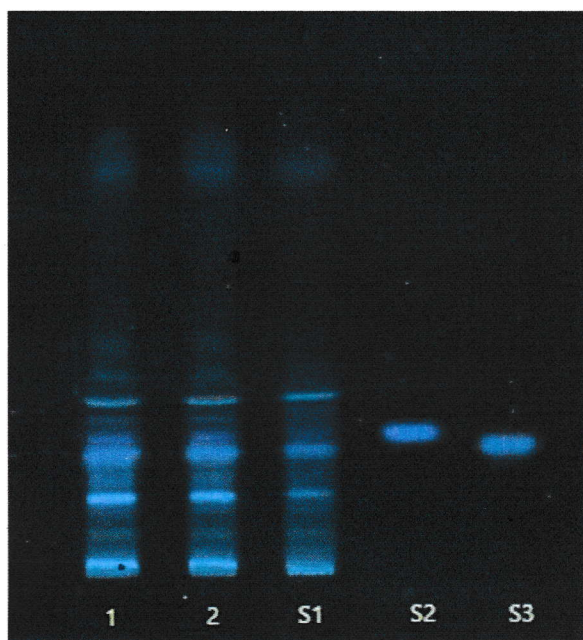
Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026



Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.gov.vn>

## Phụ lục 1: Sắc ký đồ sắc ký lớp mỏng

Phương pháp: VKN/TQKT-ĐD/H011.03, Dược điển Việt Nam V



1. Mẫu thử: HP0226011
2. Mẫu thử: HP0226011
- S1. Chuẩn dược liệu Thăng ma
- S2. Chuẩn acid ferulic
- S3. Chuẩn acid isoferulic

Hình ảnh: Sắc ký đồ sắc ký lớp mỏng



Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.gov.vn>